

Số: 66 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt “Khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn”

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Theo đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 6341/BTNMT-ĐCKS ngày 24 tháng 10 năm 2022 và đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn tại Tờ trình số 155/TTr-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2022 (kèm theo Báo cáo kết quả khoan định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản tỉnh Bắc Kạn).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu:

Khoanh định các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn nhằm bảo đảm mục tiêu khai thác khoáng sản phải gắn với bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh và các tài nguyên thiên nhiên khác; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự và an toàn xã hội; làm cơ sở thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về tài nguyên khoáng sản, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái theo hướng phát triển bền vững.

2. Nội dung khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn:

Các khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn gồm 1.038 khu vực, vị trí với tổng diện tích 145.411,13 ha. Trong đó:

a) Khu vực cấm hoạt động khoáng sản

Có 1.038 khu vực, vị trí cấm hoạt động khoáng sản với tổng diện tích 145.411,13 ha liên quan đến các diện tích đất thuộc khu vực di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh; đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, hồ thủy lợi; khu vực cấm khai thác cát, sỏi lòng sông; đất dành cho an ninh; đất dành cho quốc phòng; đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng; đất thông tin truyền thông; đất thuộc hành lang và công trình giao thông vận tải (đường bộ); đất thuộc hành lang hoặc phạm vi bảo vệ công trình điện (thủy điện, trạm điện).

b) Khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

Hiện chưa có khu vực hay vị trí nào đưa vào khoanh định là khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

(Chi tiết tại Phụ lục Kết quả phê duyệt các khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành tổ chức quản lý các khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo đúng quy định pháp luật.

2. Trong quá trình thực hiện, tùy theo yêu cầu của công tác quản lý, tiến hành xem xét, rà soát để điều chỉnh bổ sung kịp thời, đáp ứng yêu cầu thực tế.

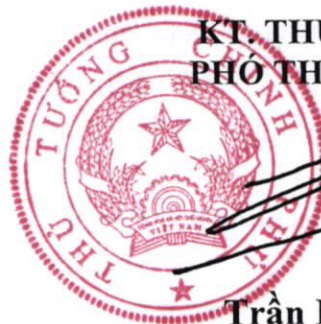
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: TN&MT, CT, TC, KH&ĐT, XD;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Cao Lộc,
- Trợ lý TTg, các Vụ: TH, PL, QH&P, NN;
- Lưu: VT, CN (2).

8



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Trần Hồng Hà



Phụ lục

KẾT QUẢ PHÊ DUYỆT CÁC KHU VỰC CẤM, KHU VỰC TẠM THỜI CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN TỈNH BẮC KẠN

(Kèm theo Quyết định số 66 /QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Đối tượng cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản	Số lượng	Diện tích (ha)	Ghi chú
I	Đối tượng cấm hoạt động khoáng sản	1.038	145.411,13	
1	Đất di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh	82	1.184,52	
2	Đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, hồ thủy lợi	34	111.269,76	
3	Đất dành cho an ninh	37	118,67	
4	Đất dành cho quốc phòng	256	27.038,58	
5	Đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng	1	0,15	
6	Đất truyền thông, thông tin	514	13,41	
7	Khu vực cấm khai thác cát, sỏi lòng sông	68	177,84	
8	Đất công trình giao thông	37	5.180,19	
9	Đất công trình điện	9	427,99	
II	Đối tượng tạm thời cấm hoạt động khoáng sản	0	0	
	Tổng cộng	1.038	145.411,13	